

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 16.18/CV-CRC  
(V/v: Giải trình chênh lệch LNST)

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2018

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) (Riêng và Hợp nhất) soát xét giữa niên độ năm 2018, Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (Công ty) xin giải trình với Quý Ủy ban và Quý Sở về sự chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LNST) so với cùng kỳ năm trước như sau:

**1. Chênh lệch LNST trên BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2018:**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Bán niên 2017	Bán niên 2018	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	56,670,260,476	85,040,822,098	28,370,561,622	50.06%
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	47,771,360,476	24,675,268,219	-23,096,092,257	
	Doanh thu bán thành phẩm (cao su, dầu điều)		34,829,253,879	34,829,253,879	
	Doanh thu Hợp đồng xây dựng	8,898,900,000	25,536,300,000	16,637,400,000	
2	Giá vốn hàng bán	53,479,887,637	76,135,122,798	22,655,235,161	42.36%
	Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	44,168,733,115	24,163,963,653	-20,004,769,462	
	Giá vốn thành phẩm (cao su, dầu điều)		31,505,466,076	31,505,466,076	
	Giá vốn hoạt động thi công xây dựng	9,311,154,522	20,465,693,069	11,154,538,547	
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1,458,609,162	1,281,784,339	-176,824,823	-12.12%
4	Chi phí tài chính	1,619,749,534	2,701,731,730	1,081,982,196	66.80%
5	Chi phí bán hàng	340,530,925	1,049,940,649	709,409,724	208.32%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,062,753,747	1,130,738,334	67,984,587	6.40%
7	Thuế TNDN hiện hành	325,430,457	1,061,014,279	735,583,822	226.03%
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,145,414,641	4,139,627,979	2,994,213,338	261.41%

LNST Công ty mẹ bán niên 2018 đạt 4,14 tỷ đồng, tăng 2,99 tỷ đồng tương ứng tăng 264,41% so với cùng kỳ năm trước. LNST tăng chủ yếu là do doanh thu sáu tháng đầu năm 2018 tăng. Cụ thể: Doanh thu bán niên 2018 đạt 56,67 tỷ đồng, tăng 28,37 tỷ đồng tương ứng tăng 50,06%. Trong sáu tháng đầu năm 2018, Công ty đã ngừng hoạt động kinh doanh điều nguyên liệu do đó doanh thu bán hàng hóa giảm 23,10 tỷ đồng và giá vốn cũng giảm tương ứng 20,00 tỷ đồng. Tuy nhiên, năm nay Công ty đã mở rộng và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh cao su cũng như dầu điều và đã mang về 34,83 tỷ

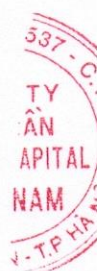
đồng doanh thu bán thành phẩm. Giá vốn sản xuất của thành phẩm đã bán tương ứng là 31,51 tỷ đồng. Ngoài ra, trong cuối năm 2017, đầu năm 2018 Công ty có ký Hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị và hệ thống lò quay tuynel công suất lớn với Công ty TNHH Trường Sơn với tổng giá trị là 44.26 tỷ đồng. Do đó doanh thu từ hoạt động thi công xây dựng cũng tăng so với cùng kỳ năm trước là 16,64 tỷ đồng và giá vốn cũng tăng tương ứng là 11,15 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tổng giá vốn sáu tháng đầu năm 2018 tăng 22,66 tỷ đồng tương ứng tăng 42,36% thấp hơn tỷ lệ tăng 50,06% của doanh thu do đó cung góp phần tăng LNST và tỷ suất lợi nhuận bán niên 2018. Do sáu tháng đầu năm 2018 Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cao su, đặc biệt là xuất khẩu ra thị trường nước ngoài nên kéo theo chi phí bán hàng tăng 709 triệu đồng tương ứng 208,32% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên mức tăng này là phù hợp và nằm trong sự kiểm soát chi phí của Công ty và không làm suy giảm tỷ suất lợi nhuận sau thuế. Các chi phí khác đều tăng tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ tăng của doanh thu.

## 2. Chênh lệch LNST trên BCTC Hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2018:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Bán niên 2017	Bán niên 2018	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	50,309,915,160	93,693,367,662	43,383,452,502	86.23%
2	Giá vốn hàng bán	44,797,996,279	81,839,120,115	37,041,123,836	82.68%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1,806,124,910	1,509,784,269	-296,340,641	-16.41%
4	Chi phí tài chính	2,894,809,408	3,816,465,474	921,656,066	31.84%
5	Chi phí bán hàng	340,530,925	1,049,940,649	709,409,724	208.32%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,741,590,637	1,694,484,036	-47,106,601	-2.70%
7	Thu nhập khác	7,825,151,886	1,030	-7,825,150,856	-100.00%
8	Chi phí khác	233,111,233	279,023,368	45,912,135	19.70%
9	Thuế TNDN hiện hành	2,053,720,962	1,110,869,807	-942,851,155	-45.91%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8,126,169,390	5,402,487,878	-2,723,681,512	-33.52%

Như đã trình bày ở trên, các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty mẹ tăng kéo theo các chỉ tiêu Hợp nhất cũng tăng tương ứng. Ngoài ra, trong sáu tháng đầu năm nay, hoạt động của hai Công ty con đã đi vào ổn định trong khi tại cùng kỳ năm trước đây chuyên sản xuất đang trong quá trình xây dựng sửa chữa do đó góp phần làm tăng doanh thu năm nay so với năm trước. Tuy nhiên, trong sáu tháng đầu năm 2017, Tập đoàn ghi nhận doanh thu từ giá trị bồi thường hỗ trợ công trình Khu đô thị mới phía Bắc Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kontum, tỉnh Kontum (giai đoạn 1 – khoảng 8ha) được phê duyệt theo quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Kontum. Do đó lợi nhuận khác trong sáu tháng đầu năm nay giảm 7,78 tỷ đồng so với



cùng kỳ năm trước làm cho LNST giảm theo tương ứng. Cụ thể: LNST bán niên 2018 đạt 5,4 tỷ đồng, giảm 2,7 tỷ đồng tương ứng giảm 33,52% so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty về sự chênh lệch LNST cùng một số chỉ tiêu trên BCTC soát xét giữa niên độ năm 2018 so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi cam kết các thông tin giải trình đã nêu trên là hoàn toàn trung thực và mọi trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này.

Kính trình Quý Ủy ban và Quý Sở xem xét.

**Trân trọng!**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HC.



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Mai Anh Tâm*

C.P. I.A.